

Số: 2377/QĐ-UBND

An Giang, ngày 27 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ, về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Trung tâm Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc đổi tên Trung tâm tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính thành Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang, cụ thể:

Phụ lục I: Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận tại trung tâm hành chính công tỉnh An Giang.

Phụ lục II: Danh mục thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận tại trung tâm hành chính công tỉnh An Giang.

Điều 2. Việc giải quyết các thủ tục hành chính có trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Điều 3. Tất cả các thủ tục hành chính có trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định này sẽ được điều chỉnh địa điểm thực hiện thủ tục hành chính từ các Sở, ban, ngành tỉnh sang tiếp nhận tại Trung tâm hành chính công.

Điều 4. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh trong việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang:

1. Bố trí cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp với tổ chức, cá nhân cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp làm việc tại Trung tâm.

3. Thông tin, tuyên truyền về hoạt động giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông đang áp dụng tại Trung tâm để tổ chức, cá nhân biết.

4. Trình Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Danh mục thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Trung tâm.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 Về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
 - CT, các PCT. UBND tỉnh;
 - Sở, Ban, ngành tỉnh;
 - UBND huyện, thị xã, thành phố;
 - Lãnh đạo Văn phòng;
 - Trung tâm Hành chính công tỉnh;
 - Website tỉnh (đăng tải);
 - Trung tâm Công báo - Tin học;
 - Lưu: VT, KSTT(5b).
- } Qua email

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Vương Bình Thạnh

PHỤ LỤC I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH AN GIANG

I. BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư: (áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).
2.	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (Trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc thay đổi tên nhà đầu tư).
3.	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (Trường hợp điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng; mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có) và các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (nếu có)).
4.	Thủ tục thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.
5.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế: (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).
6.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).
7.	Thủ tục nộp, cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
8.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp Nhà đầu tư có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương được cấp trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành được chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
9.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với Trường hợp đồng thời có yêu cầu đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay cho Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.
10.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương được cấp trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành đối với trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc thay đổi tên nhà đầu tư.
11.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương được cấp trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành đối với trường hợp điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng; mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có) và các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (nếu có).
12.	Thủ tục giãn tiến độ đầu tư.
13.	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.
14.	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.
II	LĨNH VỰC XÂY DỰNG
15.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng đối với dự án đầu tư vào Khu công nghiệp và khu kinh tế cửa khẩu.
16.	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
17.	Thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng.
18.	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng.
III	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
19.	Thủ tục xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường
IV	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG
20.	Thủ tục đăng ký nội quy lao động.
21.	Thủ tục đăng ký hệ thống thang lương, bảng lương.
22.	Thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam theo hình thức hợp đồng lao động.
23.	Thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam theo hình thức di chuyển nội bộ doanh nghiệp.
24.	Thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam để thực hiện các loại hợp đồng về kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học kỹ thuật, văn hoá, thể thao, giáo dục, y tế.
25.	Thủ tục cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài vào Việt Nam làm việc đối với trường hợp người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động và đang còn hiệu lực mà làm việc cho người sử dụng lao động khác ở cùng vị trí công việc ghi trong giấy phép lao động theo quy định của pháp luật.
26.	Thủ tục cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài vào Việt Nam làm việc đối với trường hợp người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động và đang còn hiệu lực mà làm khác vị trí công việc ghi trong giấy phép lao động theo quy định của pháp luật nhưng không thay đổi người sử dụng lao động.
27.	Thủ tục cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài vào Việt Nam làm việc đối với trường hợp người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động nhưng hết hiệu lực theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật Lao động mà có nhu cầu tiếp tục làm việc cùng vị trí công

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	việc đã ghi trong giấy phép lao động theo quy định của pháp luật.
28.	Thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động làm việc trong khu công nghiệp và khu kinh tế cửa khẩu.
29.	Thủ tục cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam.

II. SỞ CÔNG THƯƠNG

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	Lĩnh vực điện
1.	Thủ tục cấp Giấy phép tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương
2.	Thủ tục cấp giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương
3.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 3MW đặt tại địa phương.
4.	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương:
5.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương
6.	Thủ tục thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước; vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác và vốn PPP (thuộc nhóm B, C).
7.	Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật sử dụng vốn ngân sách nhà nước (thuộc nhóm B, C)
8.	Thủ tục Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đối với dự án chỉ cần lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách; công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng sử dụng vốn khác của dự án chỉ cần lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (thuộc nhóm B, C).
9.	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đối với công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp 110KV không phân biệt nguồn vốn và cấp điện áp 35kV sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
10.	Thủ tục cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.
11.	Thủ tục cấp lại Thẻ Kiểm tra viên điện lực (trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng).
II	LĨNH VỰC DẦU KHÍ
12.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	LPG
13.	Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
14.	Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
15.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
16.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
17.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
18.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
19.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
20.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
21.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
22.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
23.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
24.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
25.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
26.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
27.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
28.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
29.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	phương tiện vận tải
30.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
31.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
32.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
33.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải CNG
34.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
35.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
III	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC
36.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu
37.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu
38.	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (trường hợp bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác)
39.	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (trường hợp Giấy xác nhận hết hiệu lực)
40.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
41.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
42.	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (trường hợp bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác)
43.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (trường hợp Giấy xác nhận hết hiệu lực)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
44.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
45.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
46.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (trường hợp bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác)
47.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực)
48.	Thủ tục cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
49.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
50.	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực)
51.	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát, hoặc bị cháy)
52.	Thủ tục cấp Giấy phép bán buôn rượu
53.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu
54.	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn rượu (trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực)
55.	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn rượu (trường hợp Giấy phép bị mất hoặc bị hỏng)
56.	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
57.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
58.	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
59.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
60.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
61.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (trường hợp Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực)
62.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát, hoặc bị cháy)
63.	Thủ tục cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
64.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
65.	Thủ tục cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực)
66.	Thủ tục cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát, hoặc bị cháy)
IV	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM
67.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.
68.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh các sản phẩm thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện
69.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (trường hợp Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng)
70.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh các sản phẩm thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (trường hợp Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng)
71.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (trường hợp cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)
72.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh các sản phẩm thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (trường hợp cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất,

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)
V	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CẠNH TRANH
73.	Thủ tục đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp
74.	Thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp
75.	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo
76.	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
77.	Thủ tục đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo qui định của pháp Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
VI	LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
78.	Thủ tục đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh
79.	Thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh
80.	Thủ tục thông báo hoạt động khuyến mại
81.	Thủ tục thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại
82.	Thủ tục đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam
83.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.
VII	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ
84.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa
85.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn
86.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường;

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí
87.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP
88.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
89.	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
90.	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP
91.	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)
92.	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)
93.	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
94.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²
95.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại
96.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini
97.	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
98.	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
99.	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
100.	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
101.	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị tiêu hủy).
102.	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (trường hợp thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của thương nhân nước ngoài từ một nước sang một nước khác; thay đổi hoạt động của thương nhân nước ngoài).
103.	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ 1 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đến 1 tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác.
104.	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
105.	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
106.	Thủ tục gia hạn và điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
107.	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện theo các trường hợp quy định tại điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP).
108.	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện theo các trường hợp quy định tại điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP).
VIII	LĨNH VỰC HÓA CHẤT
109.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
110.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
111.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
112.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
113.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
114.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
IX	LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP
115.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
116.	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
117.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
118.	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
119.	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
120.	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
121.	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
X	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH THƯƠNG MẠI
122.	Thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại
123.	Thủ tục đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại
XI	LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU
124.	Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới
XII	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
125.	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa

III. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
1	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục
2	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục
3	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại
4	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông
5	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)
6	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục
7	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục
8	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại
9	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên
10	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên
11	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú
12	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục
13	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú
14	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)
15	Thành lập trung tâm kỹ thuật tổng hợp-hướng nghiệp
16	Cho phép trung tâm kỹ thuật tổng hợp-hướng nghiệp hoạt động trở lại

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
17	Sáp nhập, chia tách trung tâm kỹ thuật tổng hợp- hướng nghiệp
18	Giải thể trung tâm kỹ thuật tổng hợp-hướng nghiệp
19	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên
20	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại
21	Sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên
22	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên
23	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học
24	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục
25	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại
26	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học
27	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học)
28	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thực
29	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục
30	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại
31	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập
32	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập
33	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thực

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
34	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm
35	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)
36	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp
37	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp
38	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp
39	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục
40	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu)
41	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương hoặc lớp năng khiếu thể dục, thể thao thuộc trường trung học phổ thông
42	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tư thục
43	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
44	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
45	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
46	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại
47	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa
48	Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
49	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông
50	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng Giáo dục Mầm non
51	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường tiểu học
52	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường trung học (Bao gồm trường trung học cơ sở; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh; trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ; trường phổ thông dân tộc bán trú trường chuyên thuộc các loại hình trong hệ thống giáo dục quốc dân)
53	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên
54	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia
55	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia
56	Công nhận trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia
57	Công nhận trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.
58	Công nhận trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia
59	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên
60	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
61	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông
62	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học
63	Tiếp nhận lưu học sinh nước ngoài diện học bổng khác và tự túc vào học tại Việt Nam
64	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
65	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh
66	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số
67	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người
68	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên
II	LĨNH VỰC ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI
69	Phê duyệt đề án liên kết Đào tạo với nước ngoài
70	Gia hạn đề án liên kết Đào tạo với nước ngoài
71	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
72	Cho phép mở phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
73	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
74	Bổ sung, điều chỉnh các hoạt động giáo dục, ngành đào tạo, mở rộng quy mô, đối tượng tuyển sinh, điều chỉnh nội dung, chương trình giảng dạy đối với cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
75	Giải thể cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
76	Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
77	Xét, cấp học bổng chính sách
78	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
III	LĨNH VỰC QUY CHẾ THI, TUYỂN SINH
79	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin
80	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT)
IV	LĨNH VỰC HỆ THỐNG VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ
86	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc
87	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ
88	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp

IV. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP
Mục 1	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
1.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân
2.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên
3.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên
4.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần
5.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh
6.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
7.	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
8.	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh
9.	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần
10.	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
11.	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
12.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức
13.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước
14.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế
15.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
16.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp
17.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác
18.	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích
19.	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác
20.	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
21.	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân
22.	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần
23.	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết
24.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế
25.	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
26.	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
27.	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
28.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
29.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
30.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
31.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động
32.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
33.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
34.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
35.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
36.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
37.	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng
38.	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)
39.	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân
40.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp
41.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp
42.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp
43.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp
44.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
45.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp
46.	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
47.	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
48.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần
49.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
50.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
51.	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn
52.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh
53.	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo
54.	Giải thể doanh nghiệp
55.	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án
56.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
57.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
58.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế
59.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp
60.	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp
Mục 2. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội	
61.	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
62.	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
63.	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
64.	Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
65.	Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ
66.	Công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội
67.	Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ
68.	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội
II	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ
69.	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã
70.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
71.	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã
72.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia
73.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách
74.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất
75.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập
76.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)
77.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)
78.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
79.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
80.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (Đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)
81.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
82.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
83.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
84.	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
85.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
86.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)
87.	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã
III	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM
88.	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
89.	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
90.	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
91.	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
92.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
93.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
94.	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
95.	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)
96.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
97.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
98.	Chuyển nhượng dự án đầu tư
99.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế
100.	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài
101.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
102.	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
103.	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
104.	Giãn tiến độ đầu tư
105.	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư
106.	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
107.	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
108.	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
109.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
110.	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư
111.	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư
112.	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài
113.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
114.	Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)
115.	Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài
IV	LĨNH VỰC ĐẤU THẦU
Mục 1. Lựa chọn nhà đầu tư	
116.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư
117.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Mục 2. Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)	
118.	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư
119.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, quan trọng quốc gia của nhà đầu tư
Mục 3. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu	
120.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu
121.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu
V	VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI
Mục 1. Nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài	
122.	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)
123.	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)
124.	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)
125.	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án
Mục 2. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	
126.	Đề xuất và lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
127.	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản
128.	Quyết định chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản
129.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản
130.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	ODA, vốn vay ưu đãi
131.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư phi dự án
132.	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng
133.	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm
134.	Xác nhận chuyên gia
VI	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN
135.	Cấp Quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ

V. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN) công lập.
2.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập.
3.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho Văn phòng Đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức KH&CN công lập, ngoài công lập
4.	Thủ tục thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Trường hợp thay đổi, bổ sung một trong các nội dung ghi trên Giấy chứng nhận.
5.	Thủ tục thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, Văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ. Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ thay đổi trụ sở chính (chuyển sang tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi đã đăng ký hoạt động).
6.	Thủ tục thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, Văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ. Trường hợp mất Giấy chứng nhận hoặc Giấy chứng nhận bị rách nát.
7.	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ KH&CN do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.
8.	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.
9.	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.
10.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)
11.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
12.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
13.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
14.	Thủ tục thẩm định công nghệ dự án đầu tư
II	LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN
15.	Thủ tục khai báo thiết bị X - quang chẩn đoán y tế
16.	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X - quang trong chẩn đoán y tế).
17.	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X - quang trong chẩn đoán y tế).
18.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X - quang trong chẩn đoán y tế).
19.	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế).
20.	Thủ tục cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X - quang chẩn đoán trong y tế).
21.	Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X - quang y tế).
III	LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
22.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận
23.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.
24.	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận.
25.	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.
26.	Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
27.	Thủ tục xét tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.
28.	Thủ tục đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu.
29.	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng.
30.	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng
31.	Thủ tục cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất oxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa
32.	Thủ tục cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất oxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa
33.	Thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất oxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa
34.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân
IV	LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
35.	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp
36.	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp

VI. SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC AN TOÀN LAO ĐỘNG
1.	Thủ tục báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động
2.	Thủ tục báo cáo tai nạn lao động của người sử dụng lao động
3.	Thủ tục cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ tai nạn lao động đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài
4.	Thủ tục gửi biên bản điều tra tai nạn lao động của đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở
5.	Thủ tục thẩm định chương trình huấn luyện chi tiết về an toàn lao động, vệ sinh lao động của Cơ sở
6.	Thủ tục khai báo đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
7.	Thủ tục thông báo về việc tuyển dụng lần đầu người dưới 15 tuổi vào làm việc
8.	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa
9.	Thủ tục thông báo việc tổ chức làm thêm từ 200 giờ đến 300 giờ trong một năm
10.	Thủ tục thông báo doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý)
11.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý)
12.	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A của tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý
13.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận hạng A của tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập; doanh

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý
14.	Thủ tục hỗ trợ huấn luyện thông qua Tổ chức huấn luyện cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động
15.	Thủ tục hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
16.	Thủ tục hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp
II	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI
17.	Thủ tục đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
18.	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
19.	Thủ tục giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
20.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
21.	Thủ tục cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp
22.	Thủ tục quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật
23.	Thủ tục gia hạn quyết định công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh có từ 30% lao động trở lên là người khuyết tật
24.	Thủ tục tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp, giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em
25.	Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh
26.	Thủ tục dừng trợ cấp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh
III	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG
27.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	hưởng chế độ mất sức lao động
28.	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần
29.	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần
30.	<p>Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra.
31.	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi với thân nhân liệt sĩ
32.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác
33.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến
34.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh
35.	Thủ tục giám định vết thương còn sót
36.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh
37.	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
38.	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
39.	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày
40.	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế
41.	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng
42.	Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công
43.	Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
44.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
45.	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng
46.	Thủ tục giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ
47.	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết
48.	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ
49.	Thủ tục xác nhận đối với người hy sinh không thuộc lực lượng quân đội, công an
50.	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
51.	Thủ tục giải quyết trợ cấp mai táng đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975
52.	Thủ tục đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ
53.	Thủ tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình
54.	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ
55.	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
IV	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI
56.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
57.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
58.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
59.	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
60.	Thủ tục đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
V	LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC
61.	Thủ tục đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày
62.	Thủ tục đăng ký hợp đồng cá nhân
63.	Thủ tục hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
VI	LĨNH VỰC VIỆC LÀM
64.	Thủ tục cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
65.	Thủ tục cấp lại Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
66.	Thủ tục thu hồi giấy phép lao động
67.	Thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động
68.	Thủ tục báo cáo nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
69.	Thủ tục báo cáo thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
70.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
71.	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
72.	Thủ tục gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
73.	Thủ tục giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động
VII	CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG
74.	Thủ tục thông báo về việc chuyển địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động
75.	Thủ tục báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động
76.	Thủ tục báo cáo về việc thay đổi người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động
VIII	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – TIỀN LƯƠNG

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
77.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia.
78.	Thủ tục đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp
79.	Thủ tục gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp
IX	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
80.	Thủ tục thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập
81.	Thủ tục thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực
82.	Thủ tục thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực có từ 02 thành viên góp vốn trở lên
83.	Thủ tục thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
84.	Thủ tục thành lập phân hiệu trường trung cấp công lập
85.	Thủ tục thành lập phân hiệu trường trung cấp tư thực
86.	Thủ tục thành lập phân hiệu trường trung cấp tư thực có từ 02 thành viên góp vốn trở lên
87.	Thủ tục thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (trong cùng một tỉnh, thành phố với trụ sở chính của trường trung cấp)
88.	Thủ tục thành lập phân hiệu trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp)
89.	Thủ tục hành lập hội đồng trường trường trung cấp công lập
90.	Thủ tục thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực
91.	Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập
92.	Thủ tục cách chức chủ tịch và các thành viên trong hội đồng trường trung cấp công lập
93.	Thủ tục chia tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập
94.	Thủ tục chia tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	nghiệp tư thực
95.	Thủ tục chia tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
96.	Thủ tục giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp trong trường hợp vi phạm quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp
97.	Thủ tục giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp
98.	Thủ tục đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp
99.	Thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp đối với trường trung cấp công lập
100.	Thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp đối với trường trung cấp tư thực
101.	Thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp đối với trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài
102.	Thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp công lập
103.	Thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực
104.	Thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với doanh nghiệp
105.	Thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
106.	Thủ tục đăng ký hoạt động liên kết đào tạo của trường trung cấp, trung tâm GDNN với cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài
107.	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong trường hợp điều chỉnh, bổ sung quy mô tuyển sinh, ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo; chia, tách, sáp nhập hoặc có sự thay đổi giấy tờ có liên quan
108.	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong trường hợp chuyển trụ sở chính, thành lập hoặc chuyển trụ sở phân hiệu, mở thêm địa điểm đào tạo hoặc liên kết đào tạo ngoài trụ sở chính, phân hiệu

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
109.	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong trường hợp đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp
110.	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong trường hợp thôi tuyển sinh hoặc giảm quy mô tuyển sinh
111.	Thủ tục xác nhận phôi chứng chỉ sơ cấp, bản sao chứng chỉ sơ cấp

VII. SỞ NGOẠI VỤ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC CÔNG TÁC LÃNH SỰ
1.	Thủ tục xin phép xuất cảnh
2.	Thủ tục xin tiếp khác nước ngoài
II	LĨNH VỰC LỄ TÂN NHÀ NƯỚC
3.	Thủ tục cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC (ABTC)

VIII. SỞ NỘI VỤ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ
1.	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội
2.	Thủ tục thành lập hội
3.	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội
4.	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội
5.	Thủ tục đổi tên hội
6.	Thủ tục hội tự giải thể
7.	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội
8.	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện
9.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ
10.	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ
11.	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ
12.	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ
13.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ
14.	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động
15.	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ
16.	Thủ tục đổi tên quỹ
17.	Thủ tục quỹ tự giải thể
II	LĨNH VỰC TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
18.	Thủ tục thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập
19.	Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập
20.	Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập
III	LĨNH VỰC CÔNG TÁC THANH NIÊN
21.	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
22.	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh
23.	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh
IV	LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
24.	Thủ tục thành lập thôn mới, tổ dân phố mới
V	LĨNH VỰC VĂN THƯ, LƯU TRỮ
25.	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc
26.	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ
27.	Thủ tục cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề lưu trữ
VI	LĨNH VỰC TÔN GIÁO
28.	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
29.	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
30.	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
31.	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích
32.	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam
33.	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
34.	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
35.	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
36.	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
37.	Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
38.	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
39.	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương
40.	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức
41.	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức
42.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP
43.	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
44.	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
45.	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
46.	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
47.	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
48.	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
49.	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
50.	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
51.	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
52.	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
53.	Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành
54.	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
55.	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
56.	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo
57.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
58.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
59.	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
60.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
61.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh
62.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh
VII	LĨNH LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG
63.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
64.	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
65.	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
66.	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc
67.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề.
68.	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề
69.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đợt xuất
70.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại
VIII	LĨNH VỰC CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
71.	Thủ tục xếp ngạch, bậc lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng
72.	Thủ tục xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên
73.	Thủ tục thi nâng ngạch công chức
74.	Thủ tục tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức
75.	Thủ tục xét tuyển công chức

IX. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN
1.	Thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản
2.	Thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản trong trường hợp trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản
3.	Thủ tục gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản
4.	Thủ tục trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.
5.	Thủ tục chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản
6.	Thủ tục phê duyệt trữ lượng khoáng sản
7.	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác khoáng sản
8.	Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản
9.	Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản
10.	Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản
11.	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
12.	Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
13.	Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
14.	Thủ tục phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
15.	Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản
16.	Thủ tục đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án đầu tư xây dựng công trình
17.	Thủ tục đăng ký khối lượng cát thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch
18.	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình
19.	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản
II	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
20.	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước 01/7/2004
21.	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo
22.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
23.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
24.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
25.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
26.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
27.	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý
28.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
29.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
30.	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề
31.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
32.	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
33.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
34.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp
35.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện
36.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
37.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
38.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
39.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
40.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
41.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
42.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
43.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
44.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp
45.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
46.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bỗ sung của Giấy chứng nhận do bị mất
47.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền
48.	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất
III	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
49.	Thủ tục cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm.
50.	Thủ tục gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm.
51.	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm.
52.	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm.
53.	Thủ tục cấp giấy phép khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm.
54.	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
55.	Thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác.
56.	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác.
57.	Thủ tục cấp lại giấy phép tài nguyên nước.
58.	Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước.
59.	Thủ tục cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.
60.	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.
61.	Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.
62.	Thủ tục tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước mặt
63.	Thủ tục tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước dưới đất
IV	LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
64.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.
65.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
66.	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
V	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
67.	Thủ tục thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.
68.	Thủ tục kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.
69.	Thủ tục thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.
70.	Thủ tục chứng nhận cơ sở đã hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để.
71.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu.
72.	Thủ tục cấp lần đầu, cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH).

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
73.	Thủ tục xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.
74.	Thủ tục thẩm định và phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.
75.	Thủ tục xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường.
76.	Thủ tục xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản
VI	GIAO DỊCH BẢO ĐẢM
77.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)
78.	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai
79.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận
80.	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu
81.	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký
82.	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký
83.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
84.	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở
85.	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

X. SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC XUẤT BẢN
1	Thủ tục Đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm
2	Thủ tục Cấp lại Giấy phép hoạt động In
3	Thủ tục Đăng ký hoạt động cơ sở in
4	Thủ tục Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in
5	Thủ tục Cấp giấy phép chế bản, in, gia công sau in cho tổ chức, cá nhân nước ngoài
6	Thủ tục Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh
7	Thủ tục Cấp phép xuất bản tài liệu không kinh doanh
8	Thủ tục Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài đối với cơ sở in địa phương
9	Thủ tục Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm
10	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động in
11	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu
II	LĨNH VỰC BÁO CHÍ
12	Thủ tục Cho phép hợp báo (trong nước)
13	Thủ tục Cho phép hợp báo (nước ngoài)
14	Thủ tục Cấp phép xuất bản bản tin (trong nước)
15	Thủ tục Thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (trong nước)
16	Thủ tục Trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài
17	Thủ tục Cấp phép đăng tin, bài, phát biểu trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương (nước ngoài)
18	Thủ tục Cấp phép phát hành thông cáo báo chí (nước ngoài)
III	LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
19	Thủ tục Cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
20	Thủ tục Cấp phép sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
21	Thủ tục Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
22	Thủ tục Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
23	Thủ tục Đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh
24	Thủ tục Sửa đổi bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh
IV	LĨNH VỰC BƯU CHÍNH
25	Thủ tục cấp giấy phép bưu chính (trong phạm vi nội tỉnh)
26	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (trong phạm vi nội tỉnh)
27	Thủ tục cấp lại giấy phép bưu chính (trong phạm vi nội tỉnh) khi hết hạn
28	Thủ tục cấp lại giấy phép bưu chính (trong phạm vi nội tỉnh) bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được
29	Thủ tục cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính
30	Thủ tục cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được

XI. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN.
1.	Thủ tục cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương
2.	Thủ tục cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang
3.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương.
4.	Thủ tục thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu
5.	Thủ tục cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương
6.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương
7.	Thủ tục chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu
II	LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH
8.	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim cho các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương.
9.	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim đối với phim do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu.
III	LĨNH VỰC MỸ THUẬT
10.	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật
11.	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ.
12.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài.
IV	LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM KHÔNG

	NHÃM MỤC ĐÍCH KINH DOANH
13.	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
14.	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương.
V	LĨNH VỰC NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM NHÃM MỤC ĐÍCH KINH DOANH
15.	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu
16.	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu
17.	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu
VI	LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ
18.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức Lễ hội.
19.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường.
VII	LĨNH VỰC QUẢNG CÁO
20.	Thủ tục tiếp nhận thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng rôn
21.	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo
VIII	LĨNH VỰC THƯ VIỆN
22.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện.
23.	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 20.000 bản trở lên.
IX	LĨNH VỰC QUẢN LÝ SỬ DỤNG VŨ KHÍ, SÚNG SẴN, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ
24.	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ
X	LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA

25.	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện thành lập bảo tàng cấp tỉnh.
26.	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập.
27.	Thủ tục cấp giấy phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể ở địa phương.
28.	Thủ tục cấp phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng cấp tỉnh, bảo tàng tư nhân.
29.	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.
30.	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.
31.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.
32.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.
33.	Thủ tục thẩm định thiết kế tu bổ di tích cấp tỉnh.
34.	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.
35.	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.
36.	Thủ tục cấp chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích.
37.	Thủ tục cấp lại chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích.
XI	LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO CHO MỌI NGƯỜI
38.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.
39.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.
40.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận.
41.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng.
42.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể

	thao tổ chức hoạt động Billards & Snooker.
43.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình.
44.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động võ đạo giải trí.
45.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn.
46.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao.
47.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động môn Võ cổ truyền và Vovinam.
48.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quần vợt.
49.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Thể dục thẩm mỹ.
50.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay động cơ.
51.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quyền Anh.
52.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo.
53.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao.
54.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Karatedo.
55.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng.
56.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo.
57.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá.

58.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn.
59.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông.
60.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin.
61.	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
62.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Yoga.
XII	LĨNH VỰC KINH DOANH DU LỊCH
63.	Thủ tục xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch.
64.	Thủ tục thẩm định lại cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch
65.	Thủ tục xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác.
66.	Thủ tục thẩm định lại, xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác.
67.	Thủ tục xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch hạng 3 sao cho khách sạn, làng du lịch.
68.	Thủ tục thẩm định lại cơ sở lưu trú du lịch hạng 3 sao cho khách sạn, làng du lịch.
69.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.
70.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.
71.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong các trường hợp. a) Thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của doanh

	<p>nghiệp du lịch nước ngoài từ một nước sang một nước khác;</p> <p>b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện đến một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác;</p> <p>c) Thay đổi nội dung hoạt động của doanh nghiệp du lịch nước ngoài.</p> <p>d) Thay đổi địa điểm của doanh nghiệp du lịch nước ngoài trong phạm vi nước nơi doanh nghiệp thành lập</p>
72.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp giấy phép thành lập văn phòng đại diện bị mất, bị rách nát hoặc bị tiêu hủy.
73.	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.
XIII	LĨNH VỰC HƯỚNG DẪN DU LỊCH
74.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch Quốc tế.
75.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.
76.	Thủ tục đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch.
77.	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch.
78.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận thuyết minh viên du lịch
XIV	LĨNH VỰC VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH
79.	Thủ tục cấp giấy xác nhận xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch
XV	LĨNH VỰC KHU DU LỊCH, ĐIỂM DU LỊCH, TUYẾN DU LỊCH, ĐÔ THỊ DU LỊCH
80.	Thủ tục cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống du lịch.
81.	Thủ tục cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm du lịch.
82.	Thủ tục cấp lại biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm du lịch.

XII. SỞ XÂY DỰNG

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT
1.	Thủ tục thẩm định đồ án quy hoạch cấp nước đô thị (trừ loại đặc biệt).
2.	Thủ tục thẩm định đồ án quy hoạch thoát nước vùng tỉnh; quy hoạch thoát nước đô thị (trừ loại đặc biệt).
3.	Thủ tục thẩm định quy hoạch quản lý chất thải rắn cấp vùng tỉnh.
II	LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG
4.	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, (nhiệm vụ điều chỉnh) quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
5.	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
6.	Thủ tục cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
III	LĨNH VỰC XÂY DỰNG
7.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ trên 7 tầng
8.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình không theo tuyến
9.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình theo tuyến trong đô thị
10.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo
11.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình tượng đài, tranh hoành tráng.
12.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo.
13.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình theo giai đoạn (Đối với công trình không theo tuyến).
14.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình theo giai đoạn (Đối với công trình theo tuyến trong đô thị).
15.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng cho dự án.
16.	Thủ tục cấp giấy phép xây sửa chữa, cải tạo công trình.
17.	Thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng (đối với công trình).
18.	Thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng (đối với nhà ở riêng lẻ trên 07

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	tầng).
19.	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng.
20.	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng.
21.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng có thời hạn
22.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng có thời hạn (đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo).
23.	Thủ tục cấp giấy phép di dời công trình.
24.	Thủ tục thẩm định dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
25.	Thủ tục thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác và dự án PPP.
26.	Thủ tục thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
27.	Thủ tục thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đối với dự án chỉ cần lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách.
28.	Thủ tục thẩm định thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m; công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III sử dụng vốn khác được xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh.
29.	Thủ tục thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.
30.	Thủ tục Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng.
31.	Thủ tục Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động.
32.	Thủ tục điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin
33.	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
34.	Thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
35.	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác
36.	Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh.
37.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động xây dựng đối với tổ chức (nhà thầu nước ngoài) thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh.
38.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động xây dựng đối với cá nhân (nhà thầu nước ngoài) thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh.
39.	Thủ tục điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đối với nhà thầu nước ngoài nhận thầu các gói thầu thuộc dự án nhóm B, C và nhà thầu nước ngoài là cá nhân thực hiện các công việc tư vấn đầu tư xây dựng hoạt động xây dựng tại Việt Nam.
40.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng II, hạng III.
41.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng hạng II, hạng III
42.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng hạng II, hạng III.
43.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng II, hạng III.
44.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hạng II, hạng III.
45.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng II, hạng III.
46.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ cũ hết hạn hoặc điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.
47.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề Quản lý dự án hạng II, hạng III
48.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ cũ bị rách, nát hoặc thất lạc chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.
49.	Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.
50.	Thủ tục cấp mới 09 loại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức hạng II, hạng III.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
51.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ cũ rách, nát hoặc bị thất lạc 09 loại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.
52.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ cũ hết hạn hoặc điều chỉnh, bổ sung nội dung 09 loại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức hạng II, hạng III.
53.	Thủ tục công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trong nước.
IV	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
54.	Thủ tục chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
55.	Thủ tục điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
56.	Thủ tục lấy ý kiến về Quy hoạch kiến trúc và xây dựng đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh.
V	LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN
57.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.
58.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, rách, nát.
59.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do chứng chỉ hết hạn.
60.	Thủ tục chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở.
VI	LĨNH VỰC NHÀ Ở
61.	Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua.
62.	Thủ tục đề nghị UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP.
63.	Thủ tục đề nghị UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Nghị định

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	99/2015/NĐ-CP.
64.	Thủ tục lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với trường hợp chỉ định chủ đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.
65.	Thủ tục thẩm định giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh.
66.	Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh.
67.	Thủ tục cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.
68.	Thủ tục cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước.
69.	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.
70.	Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

XIII. SỞ Y TẾ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
1.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT.
2.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam.
3.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a và b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh.
4.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh.
5.	Thủ tục cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề.
6.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình.
7.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh.
8.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g tại Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh.
9.	Thủ tục cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn.
10.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.
11.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa.
12.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa.
13.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng.
14.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
15.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà.
16.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc.
17.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả.
18.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp.
19.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà hộ sinh.
20.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền.
21.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh, phòng X-Quang.
22.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng xét nghiệm.
23.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với trạm y tế cấp xã, trạm xá.
24.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh xá thuộc lực lượng Công an nhân dân
25.	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động đối với phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp.
26.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm.
27.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
28.	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Luật khám bệnh, chữa bệnh.
29.	Thủ tục điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn.
30.	Thủ tục thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
31.	Đăng ký hành nghề đối với trường hợp đã được cấp giấy phép hoạt động khi có thay đổi về nhân sự.
32.	Thủ tục cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
33.	Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện việc khám sức khỏe.
34.	Thủ tục đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
35.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền.
36.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT.
37.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT.
38.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT.
39.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận là lương y.
40.	Thủ tục cho phép tổ chức các đoàn khám, chữa bệnh nhân đạo.
41.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế, bệnh viện tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác (trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.
42.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa.
43.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa.
44.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh.
45.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà.
46.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc.
47.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả.
48.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp.
49.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà hộ sinh.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
50.	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền.
51.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh, phòng X-Quang.
52.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm.
53.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã.
54.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm.
55.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh.
56.	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền.
57.	Thủ tục điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn.
58.	Thủ tục xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.
59.	Thủ tục thông báo đăng ký hoạt động đối với cơ sở dịch vụ thẩm mỹ.
60.	Thủ tục thông báo đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ xoa bóp (massage).
61.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ.
62.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ.
63.	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm.
64.	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng.
II	LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM
65.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề dược cho cá nhân là công dân Việt Nam đăng ký hành nghề dược.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
66.	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược do bị mất, hỏng.
67.	Thủ tục điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược.
68.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược.
69.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược.
70.	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược.
71.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt bán lẻ thuốc.
72.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt bán lẻ thuốc.
73.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc.
74.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc.
75.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản thuốc.
76.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản thuốc.
77.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc.
78.	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc.
79.	Thủ tục điều chỉnh nội dung thông tin thuốc đã được cấp Giấy xác nhận.
III	LĨNH VỰC MỸ PHẨM
80.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm.
81.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm do mất hoặc hỏng.
82.	Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm khi thay đổi về tên của cơ sở sản xuất hoặc thay đổi địa chỉ do điều chỉnh địa giới hành chính (địa điểm sản xuất không thay đổi).
83.	Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm.
84.	Thủ tục cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất tại Việt Nam

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
IV	LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM
85.	Thủ tục cấp giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật.
86.	Thủ tục cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm đã có quy chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bên thứ nhất).
87.	Thủ tục cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm đã có quy chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba).
88.	Thủ tục cấp lại giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.
89.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.
90.	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.
91.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.
92.	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.
93.	Thủ tục cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.
94.	Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với hình thức quảng cáo thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm.
V	LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG
95.	Thủ tục công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
96.	Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng.
97.	Thủ tục xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng.
98.	Thủ tục công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với các cơ sở điều trị lần đầu công bố đủ điều kiện.

XIV. THANH TRA TỈNH (Không có thủ tục)

XV. SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
A	ĐƯỜNG BỘ
I	LĨNH VỰC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ
1	Thủ tục chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác
2	Thủ tục chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác
3	Thủ tục chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác
4	Thủ tục gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác
5	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác
6	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác
7	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác
8	Thủ tục chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ ủy thác, đường bộ địa phương.
9	Thủ tục gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ ủy thác, đường bộ địa phương
10	Thủ tục cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ ủy thác, đường bộ địa phương

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
11	Thủ tục đề nghị đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác
12	Thủ tục chấp thuận các hoạt động văn hóa (thể thao, diễu hành, lễ hội) trên đường tỉnh, đường đô thị trong địa bàn tỉnh hoặc trên nhiều hệ thống đường bộ (trừ quốc lộ hoặc trên nhiều hệ thống đường bộ trong đó có quốc lộ)
II	LĨNH VỰC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN GIAO THÔNG
13	Thủ tục thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở công trình giao thông
14	Thủ tục thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đối với dự án giao thông chỉ cần lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật
III	LĨNH VỰC CẤP PHÉP LƯU HÀNH ĐẶC BIỆT
15	Thủ tục cấp phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ
16	Thủ tục cấp phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng
IV	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, CẤP BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG CÓ THAM GIA GIAO THÔNG
17	Thủ tục đăng ký xe máy chuyên dùng lần đầu
18	Thủ tục đăng ký xe máy chuyên dùng có thời hạn
19	Thủ tục đổi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
20	Thủ tục cấp lại đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
21	Thủ tục cấp giấy đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng.
22	Thủ tục đăng ký sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố.
23	Thủ tục di chuyển đăng ký tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đã đăng ký (sang tên chủ sở hữu ở khác tỉnh, thành phố)
24	Thủ tục đăng ký sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng tại Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đến

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
25	Thủ tục di chuyển đăng ký tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đã đăng ký (không thay đổi chủ sở hữu)
26	Thủ tục đăng ký lại xe máy chuyên dùng tại Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đến (không thay đổi chủ sở hữu)
27	Thủ tục xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng
28	Thủ tục xử lý xe máy chuyên dùng không có chứng từ nguồn gốc hoặc mất toàn bộ hồ sơ di chuyển
29	Thủ tục xử lý xe máy chuyên dùng mất một trong số Giấy tờ đã kê khai trong phiếu di chuyển của hồ sơ di chuyển.
V	LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
30	Thủ tục thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo
VI	LĨNH VỰC CẤP PHÉP ĐÀO TẠO, HOẠT ĐỘNG TRUNG TÂM SÁT HẠCH , SÁT HẠCH CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
31	Thủ tục cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô
32	Thủ tục cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo hoặc lưu lượng đào tạo
33	Thủ tục cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan
34	Thủ tục cấp mới Giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4
35	Thủ tục cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4
36	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3
37	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch loại 3 có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe
38	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận
VII	LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
39	Thủ tục công bố lần đầu đưa bến xe khách vào khai thác
40	Thủ tục công bố lại bến xe khách
41	Thủ tục công bố đưa bến xe hàng vào khai thác
B	ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
I	LĨNH VỰC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỦY
42	Thủ tục công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương có dự án đầu tư xây dựng
43	Thủ tục công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương không có dự án đầu tư xây dựng
44	Thủ tục công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
45	Thủ tục cho ý kiến dự án công trình xây dựng cầu vĩnh cửu, cầu tạm
46	Thủ tục cho ý kiến dự án xây dựng công trình cầu quay, cầu cát, cầu nâng hạ, cầu phao, âu tàu, đập, thủy điện, thủy lợi, công trình thủy điện, thủy lợi kết hợp giao thông
47	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình đường ống, đường dây vượt qua luồng trên không trên luồng, tuyến đường thủy nội địa địa phương
48	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình cảng cá; cảng làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; công trình phong điện, nhiệt điện; cảng, bến thủy nội địa, bến phà; kè trên luồng, tuyến đường thủy nội địa địa phương
49	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình cảng cá; cảng làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; công trình phong điện, nhiệt điện; cảng, bến thủy nội địa, bến phà; kè trên luồng, tuyến đường thủy nội địa địa phương
50	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình khai thác tài nguyên, nạo vét trên luồng, tuyến đường thủy nội địa địa phương
51	Thủ tục cho ý kiến đối với khu vực nuôi trồng thủy sản, hải sản, vùng nước hoạt động dạy nghề, vùng nước neo đậu phương tiện, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu vực thể thao trên luồng, tuyến đường thủy nội địa địa phương
52	Thủ tục chấp thuận phương án, điều chỉnh phương án đảm bảo an toàn

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	giao thông thi công công trình trên đường thủy nội địa
53	Thủ tục công bố hạn chế giao thông thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
54	Thủ tục công bố hạn chế giao thông đảm bảo an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương
55	Thủ tục công bố hạn chế giao thông tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa địa phương
II	LĨNH VỰC THI, CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
56	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa loại 4
57	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa loại 4 bị mất, bị hỏng hoặc thay đổi địa chỉ
III	LĨNH VỰC CÔNG BỐ CẢNG THỦY NỘI ĐỊA
58	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
59	Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
60	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
61	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
62	Thủ tục công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
63	Thủ tục công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
64	Thủ tục công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
65	Thủ tục công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài do mở rộng hoặc nâng cấp năng lực thông qua
IV	LĨNH VỰC CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA
66	Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa
67	Thủ tục cấp mới, cấp lại phép hoạt động bến thủy nội địa mở rộng, nâng cấp nâng cao năng lực thông qua
68	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
V	LĨNH VỰC CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
69	Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông
70	Thủ tục cấp mới, cấp lại phép hoạt động bến khách ngang sông mở rộng, nâng cấp nâng cao năng lực thông qua
71	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông
VI	LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
72	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách ngang sông
73	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định trên tuyến đường thủy nội địa
74	Thủ tục phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên tuyến đường thủy nội địa
75	Thủ tục phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới dùng để chở hành khách và xe ô tô.

XVI. SỞ TÀI CHÍNH

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN
1.	Thủ tục xác lập sở hữu nhà nước đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung
2.	Thủ tục điều chuyển tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh
3.	Thủ tục bán tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.
4.	Thủ tục thanh lý tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh.
5.	Thủ tục báo cáo kê khai TSNN tại cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được giao, quản lý sử dụng TSNN.
6.	Thủ tục xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước khi dự án kết thúc đối với các dự án địa phương quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
7.	Thủ tục quản lý, sử dụng hóa đơn bán TSNN và hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước (gọi chung là hóa đơn)
8.	Thủ tục xác định các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp của người sử dụng đất
II	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
9.	Thủ tục chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần
10.	Thủ tục thẩm định mua bán tài sản vượt quá thẩm quyền của doanh nghiệp.
11.	Thủ tục thẩm định thanh toán khối lượng dịch vụ công ích.
12.	Thủ tục thẩm tra chi phí dịch vụ, sản phẩm công ích.
13.	Thủ tục đánh giá, xếp loại công ty nhà nước.
III	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
14.	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.
15.	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
16.	Thủ tục đăng ký thay đổi thông tin về mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (<i>Dùng cho đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách</i>).
17.	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho dự án đầu tư giai đoạn chuẩn bị đầu tư.
18.	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư giai đoạn thực hiện dự án.
19.	Đăng ký chuyển giai đoạn dự án đầu tư.
20.	Thủ tục đăng ký thay đổi thông tin về mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (<i>Dùng cho dự án đầu tư</i>)
IV	LĨNH VỰC THANH TOÁN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP, ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN
21.	Thủ tục thanh toán hỗ trợ ngân sách nhà nước về tiền thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân.
22.	Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ đào tạo tại nguồn nhân lực.
23.	Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ phát triển thị trường.
24.	Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ.
25.	Thủ tục thanh toán hỗ trợ hạng mục xây dựng cơ bản.
26.	Thủ tục thanh toán hỗ trợ chi phí vận chuyển
V	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH VỀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH PHỤC VỤ DI DỜI CÁC CƠ SỞ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC CƠ SỞ PHẢI DI DỜI THEO QUY HOẠCH XÂY DỰNG ĐÔ THỊ
27.	Thủ tục xác định giá bán tài sản gắn liền với đất, giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vị trí cũ của đơn vị phải thực hiện di dời.
VI	LĨNH VỰC GIÁ
28.	Thủ tục hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính.
29.	Thủ tục đăng ký giá (<i>thực hiện trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá</i>).
30.	Thủ tục thẩm định phương án giá thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.
VII	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
31.	Thủ tục thẩm định và thông báo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
32.	Thủ tục cấp phát kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí thuộc nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu hàng năm
33.	Thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí thuộc nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu hàng năm

XVII. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP
1.	Thủ tục giao rừng đối với tổ chức
2.	Thủ tục cho thuê rừng đối với tổ chức
3.	Thủ tục thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (<i>chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài</i>)
4.	Thủ tục thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay giải thể, phá sản
5.	Thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác lập
6.	Thủ tục cải tạo rừng (đối với chủ rừng: không phải hộ gia đình, cá nhân, không phải vườn quốc gia, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý)
7.	Thủ tục công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp
8.	Thủ tục cấp chứng nhận nguồn gốc lô cây con
9.	Thủ tục cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống
10.	Thủ tục chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý
11.	Khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ
12.	Thủ tục khai thác và tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ
13.	Khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật đối với rừng phòng hộ
14.	Khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	đối với rừng đặc dụng
15.	Chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh
16.	Thủ tục đăng ký quảng cáo giống cây trồng Lâm nghiệp
17.	Thủ tục Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (<i>đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường rừng nằm trong phạm vi một tỉnh</i>)
II	LĨNH VỰC KIỂM LÂM
18.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận trại nuôi Gấu
19.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận trại nuôi sinh sản, sinh trưởng động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại
20.	Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển Gấu
21.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và Phụ lục II, III của CITES
22.	Thủ tục giao nộp gấu cho nhà nước
23.	Thủ tục xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với Lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng, lâm sản nhập khẩu, lâm sản sau xử lý tịch thu, lâm sản vận chuyển nội bộ
III	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT
24.	Thủ tục tiếp nhận bản công bố hợp quy thuốc bảo vệ thực vật; phân bón (đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy)
25.	Thủ tục tiếp nhận bản công bố hợp quy thuốc bảo vệ thực vật; phân bón (đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh)
26.	Thủ tục tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng (đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy)
27.	Thủ tục tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng (đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh)
28.	Thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận giống, sản phẩm cây trồng (đối

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	với tổ chức đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)
29.	Thủ tục chỉ định lại tổ chức chứng nhận giống, sản phẩm cây trồng (đối với tổ chức đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)
30.	Thủ tục mở rộng phạm vi chỉ định tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng (đối với tổ chức đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)
31.	Thủ tục miễn giám sát đối với tổ chức chứng nhận được chỉ định có chứng chỉ công nhận (đối với tổ chức đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)
32.	Thủ tục công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm
33.	Thủ tục công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm
34.	Thủ tục cấp lại công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm
35.	Thủ tục chỉ định Tổ chức chứng nhận sản phẩm trồng trọt được sản xuất phù hợp quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) đối với tổ chức đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh
36.	Thủ tục đăng ký quảng cáo giống cây trồng
37.	Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật
38.	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)
39.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
40.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
41.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (sản xuất, sơ chế rau, quả, chè)
42.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (sản xuất, sơ chế rau, quả, chè) đối với trường hợp giấy chứng nhận sắp hết hạn

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
43.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (sản xuất, sơ chế rau, quả, chè) đối với trường hợp giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận an toàn thực phẩm
44.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật)
45.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón
46.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón
47.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
48.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
49.	Thủ tục xác nhận nội dung quảng cáo và đăng ký hội thảo phân bón
IV	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y
50.	Đăng ký công bố hợp quy cơ sở ấp trứng gia cầm, thức ăn chăn nuôi (đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy)
51.	Đăng ký công bố hợp quy cơ sở ấp nở trứng gia cầm, thức ăn chăn nuôi, (đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh)
52.	Đăng ký quảng cáo giống vật nuôi
53.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y
54.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu (đối với giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật, vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi)
55.	Cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu (đối với giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật, vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi)
56.	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y
57.	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh,

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)
58.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)
59.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y
60.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)
61.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
62.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản
63.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại
64.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
65.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản
66.	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)
67.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận
68.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận
69.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận
70.	Cấp chứng chỉ hành nghề (kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi)
71.	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề (kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi)
72.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản.
73.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn
74.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP.
V	LĨNH VỰC THỦY SẢN
75.	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực)
76.	Cấp mã số nhận diện ao nuôi cá Tra thương phẩm
77.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận mã số nhận diện ao nuôi cá tra thương phẩm
78.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện An toàn Thực phẩm
79.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện An toàn Thực phẩm
80.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn (đối với tàu cá nhập khẩu)
81.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (đối với tàu nhập khẩu)
82.	Nhập khẩu tàu cá đóng mới
83.	Nhập khẩu tàu cá đã qua sử dụng
84.	Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác
85.	Chứng nhận thủy sản khai thác
86.	Chứng nhận lại thủy sản khai thác
87.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời
88.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới
89.	Cấp giấy chứng nhận tàu cá đối với tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu
90.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá cải hoán
91.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá
92.	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
93.	Cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá
94.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá
95.	Cấp giấy phép khai thác thủy sản
96.	Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản
97.	Cấp đổi và cấp lại giấy phép khai thác thủy sản
98.	Cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai
99.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, không quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES (các loài thủy sinh kể cả Ếch, Nhái và Ba ba)
VI	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN
100.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản
101.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn
102.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP.
103.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm
VII	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
104.	Thủ tục giải quyết chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình di chuyển khỏi vùng thiên tai
105.	Thủ tục Phê duyệt chủ trương xây dựng cánh đồng lớn
106.	Thủ tục Phê duyệt Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn (áp dụng cho phê duyệt lần đầu và điều chỉnh, bổ sung, kéo dài thời gian thực hiện Dự án hoặc phương án cánh đồng lớn)
107.	Thủ tục đăng ký xét công nhận nghề truyền thống
108.	Thủ tục đăng ký xét công nhận làng nghề

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
109.	Thủ tục đăng ký xét công nhận làng nghề truyền thống

XVIII. SỞ TƯ PHÁP

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP
1.	Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam
2.	Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)
3.	Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)
II	LĨNH VỰC QUỐC TỊCH
4.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.
5.	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam
6.	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước
7.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước
III	LĨNH VỰC HỘ TỊCH
8.	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch
IV	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI
9.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài
10.	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi
11.	Thủ tục Xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi
V	LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG
12.	Thủ tục Bổ nhiệm công chứng viên
13.	Bổ nhiệm lại công chứng viên
14.	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)
15.	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp bị miễn nhiệm)
16.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
17.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
18.	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
19.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
20.	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng
21.	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng
22.	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng
23.	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)
24.	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi
25.	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị chuyển đổi, giải thể
26.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng
27.	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên
28.	Cấp lại Thẻ công chứng viên
29.	Xóa đăng ký hành nghề công chứng
30.	Thành lập Văn phòng công chứng
31.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng
32.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng
33.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)
34.	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng
35.	Hợp nhất Văn phòng công chứng
36.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
37.	Sáp nhập Văn phòng công chứng
38.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập
39.	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng
40.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng
41.	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập
42.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập
43.	Thành lập Hội công chứng viên
VI	LĨNH VỰC LUẬT SƯ
44.	Hợp nhất công ty luật
45.	Sáp nhập công ty luật
46.	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư
47.	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân
48.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư
49.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư
50.	Thành lập văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư
51.	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh
52.	Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật
53.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh
54.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên
55.	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư
56.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài
57.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài
58.	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	luật nước ngoài
59.	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư tự chấm dứt hoạt động hoặc công ty luật bị hợp nhất, sáp nhập
60.	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động hoặc Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc tất cả các thành viên của công ty luật hợp danh, thành viên của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư
61.	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Trong trường hợp chấm dứt hoạt động do Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên chết
62.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam
63.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài
VII	LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT
64.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật
65.	Đăng ký hoạt động cho Chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật
66.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh
67.	Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản
68.	Chấm dứt hoạt động trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động
69.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật
70.	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh Trong trường hợp Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh không đủ số lượng luật sư, tư vấn viên pháp luật theo quy định của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP
71.	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh Trong trường hợp Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh bị xử phạt vi phạm hành chính với hình thức xử phạt bổ sung là tước quyền sử dụng Giấy đăng ký hoạt động không thời hạn

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
72.	Cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật
73.	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật
74.	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật
VIII	LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI
75.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài thương mại
76.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm trọng tài
77.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài
78.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài
79.	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài
80.	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện Trung tâm trọng tài
81.	Đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
82.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
83.	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
84.	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
85.	Thông báo thay đổi Trưởng Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
86.	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
87.	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác
88.	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
89.	Thông báo về việc thành lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài tại nước ngoài
90.	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài
91.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trưởng Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài
92.	Thủ tục Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên
93.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
IX	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
94.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp
95.	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp
96.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp
97.	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp
98.	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp
99.	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp
100.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trường hợp Văn phòng giám định tư pháp tự chấm dứt hoạt động
101.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trường hợp Văn phòng giám định tư pháp chấm dứt hoạt động do bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động
102.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng
103.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất
104.	Thủ tục đăng ký danh sách đấu giá viên
X	LĨNH VỰC BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
105.	Thủ tục cấp Thẻ đấu giá viên
106.	Thủ tục cấp lại Thẻ đấu giá viên

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
107.	Thủ tục thu hồi Thẻ đấu giá viên
108.	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp
109.	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác
110.	Thủ tục Phê duyệt tổ chức đấu giá tài sản đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến
111.	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
112.	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
113.	Thủ tục đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản
XI	LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN VÀ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN
114.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân
115.	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân
116.	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
117.	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
118.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
119.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên
120.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
121.	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên
122.	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
123.	Gia hạn việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
124.	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	Quản tài viên
125.	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
XII	LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
126.	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật
127.	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý đối với tổ chức chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật
128.	Thủ tục chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý đối với tổ chức chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật
129.	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý
130.	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý
131.	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý
132.	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
133.	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý

PHỤ LỤC II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH AN GIANG

I. BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ (Không có thủ tục)

II. SỞ CÔNG THƯƠNG

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	AN TOÀN THỰC PHẨM
1	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký bán công bố sản phẩm do Sở Công Thương thực hiện
II	XUẤT NHẬP KHẨU
2	Xác nhận Bảng kê kho chứa và cơ sở xay xát lúa/gạo.
III	LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC
3	Đăng ký giờ bán hàng
4	Phê duyệt nội quy siêu thị, Trung tâm thương mại

III. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC QUY CHẾ THI, TUYỂN SINH
1	Đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông
2	Đăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia
3	Phúc khảo bài thi trung học phổ thông quốc gia
4	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học
5	Đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên

IV. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (Không có thủ tục)**V. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (Không có thủ tục)****VI. SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC AN TOÀN LAO ĐỘNG
1.	Thủ tục khai báo sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng
2.	Thủ tục khai báo tai nạn lao động
II	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI
3.	Thủ tục tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.
4.	Thủ tục tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh
5.	Thủ tục đưa đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp, giáo dục tại xã, phường, thị trấn ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em
III	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG
6.	Thủ tục trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
7.	Thủ tục trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
8.	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ
IV	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI
9.	Thủ tục đưa người nghiện ma túy tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị, phục hồi tại Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy
10.	Thủ tục chế độ thăm gặp thân nhân đối với học viên tại Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
11.	Thủ tục nghỉ chịu tang của học viên tại Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy
V	LĨNH VỰC VIỆC LÀM
12.	Thủ tục giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp
13.	Thủ tục tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp
14.	Thủ tục tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp
15.	Thủ tục giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp
16.	Thủ tục chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp
17.	Thủ tục chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)
18.	Thủ tục chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)
19.	Thủ tục giải quyết hỗ trợ học nghề
20.	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm
21.	Thủ tục thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng
VI	LĨNH VỰC TRẺ EM
22.	Thủ tục áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em
23.	Thủ tục Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em

VII. SỞ NGOẠI VỤ (Không có thủ tục)

VIII. SỞ NỘI VỤ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC CÔNG CHỨC
1.	Thủ tục thi tuyển công chức
II	LĨNH VỰC VIÊN CHỨC
2.	Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức
3.	Thủ tục thi tuyển viên chức
4.	Thủ tục xét tuyển viên chức
5.	Xét tuyển đặc cách viên chức

IX. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (Không có thủ tục)**X. SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG (Không có thủ tục)****XI. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT
1.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan
2.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả
3.	Thủ tục cấp lại, đổi giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan
4.	Thủ tục cấp lại, đổi giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả
II	LĨNH VỰC KINH DOANH DU LỊCH
5.	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị Tổng cục Du lịch cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế cho doanh nghiệp kinh doanh lữ hành đối với khách du lịch vào Việt Nam.
6.	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị Tổng cục Du lịch cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế cho doanh nghiệp kinh doanh lữ hành đối với khách du lịch ra nước ngoài.
7.	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị Tổng cục Du lịch cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế cho doanh nghiệp kinh doanh lữ hành đối với khách du lịch vào Việt Nam và khách du lịch ra nước ngoài.
8.	Thủ tục xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 4 sao, 5 sao cho khách sạn.
9.	Thủ tục thẩm định lại cơ sở lưu trú du lịch hạng 4 sao, 5 sao cho khách sạn.

XII. SỞ XÂY DỰNG (Không có thủ tục)

XIII. SỞ Y TẾ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA
1.	Thủ tục giám định đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ.
2.	Thủ tục giám định y khoa đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ.
3.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận mắc bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học.
4.	Thủ tục giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.
5.	Thủ tục giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.
6.	Thủ tục giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người đang đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.
7.	Thủ tục giám định để thực hiện chế độ hưu trí trước tuổi đối với người lao động đang đóng bảo hiểm xã hội hoặc người lao động đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc người lao động đã có quyết định nghỉ việc chờ giải quyết chế độ hưu trí, trợ cấp hằng tháng; giám định để thực hiện chế độ tử tuất; giám định đối với người lao động đã nghỉ hưu hoặc đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm mắc bệnh nghề nghiệp.
8.	Thủ tục giám định tai nạn lao động tái phát đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.
9.	Thủ tục giám định bệnh nghề nghiệp tái phát đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.
10.	Thủ tục giám định tổng hợp đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.
11.	Thủ tục giám định thương tật lần đầu tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh.
12.	Thủ tục giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời.
13.	Thủ tục giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
14.	Thủ tục giám định đối với trường hợp vết thương còn sót.
15.	Thủ tục giám định đối với trường hợp vết thương tái phát.
II	LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG
16.	Thủ tục chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền.
17.	Thủ tục chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền.
18.	Thủ tục chứng nhận kiểm tra và xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh.
19.	Thủ tục chứng nhận kiểm tra y tế hàng hóa, tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh.
20.	Thủ tục chứng nhận kiểm dịch y tế hàng hóa xuất khẩu - nhập khẩu.
21.	Thủ tục chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng.
22.	Thủ tục chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt.
23.	Thủ tục chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người.
III	LĨNH VỰC TRANG THIẾT BỊ VÀ CÔNG TRÌNH Y TẾ
24.	Thủ tục công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế
25.	Thủ tục công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A
26.	Thủ tục công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D

XIII. THANH TRA TỈNH

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh
2	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh
3	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh
II	LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN
4	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh
5	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh
III	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
6	Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập
7	Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập
8	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập
9	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình
10	Thủ tục thực hiện việc giải trình

XIV. SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
A	ĐƯỜNG BỘ
I	LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ
1	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định
2	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định do thay đổi nội dung
3	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định bị hư hỏng
4	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định bị mất
5	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt
6	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt do thay đổi nội dung
7	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt hết hạn
8	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt bị hư hỏng
9	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách xe buýt bị mất
10	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi
11	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi do thay đổi nội dung
12	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi hết hạn
13	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi bị hư hỏng
14	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi bị mất

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
15	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô
16	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô do thay đổi nội dung
17	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô hết hạn
18	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô bị hư hỏng
19	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô bị mất
20	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch bằng xe ô tô
21	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch do thay đổi nội dung
22	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch hết hạn
23	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch bị hư hỏng
24	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch bị mất
25	Thủ tục đăng ký khai thác tuyến cố định liên tỉnh
26	Thủ tục đăng ký khai thác tuyến cố định nội tỉnh
27	Thủ tục cấp mới, cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch hết hiệu lực
28	Thủ tục cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch bị mất, bị hỏng
29	Thủ tục cấp phù hiệu vận tải
30	Thủ tục cấp phù hiệu xe nội bộ
31	Thủ tục cấp phù hiệu xe trung chuyển
II	LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VIỆT NAM-

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	CAMPUCHIA
32	Thủ tục cấp phép liên vận phương tiện phi thương mại Việt Nam - Campuchia
33	Thủ tục Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia
III	LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VIỆT NAM – LÀO
34	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện thương mại
35	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào
36	Thủ tục gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào
IV	LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUA LIÊN QUỐC GIA: VIỆT NAM – CAMPUCHIA - LÀO
37	Thủ tục cấp Giấy phép vận tải CLV cho xe vận tải hành khách cố định
38	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại
39	Thủ tục Gia hạn Giấy phép liên vận CLV lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia.
40	Thủ tục đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam – Lào – Campuchia.
V	LĨNH VỰC CẤP PHÉP ĐÀO TẠO, HOẠT ĐỘNG TRUNG TÂM SÁT HẠCH , SÁT HẠCH CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
41	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
42	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
43	Thủ tục cấp Giấy phép xe tập lái
44	Cấp mới Giấy phép lái xe
45	Cấp lại Giấy phép lái xe

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
46	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp
47	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp
48	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp
49	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp
50	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam
51	Thủ tục cấp Giấy phép lái xe quốc tế (IDP)
VI	LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ
52	Thủ tục thông báo các dịch vụ đại lý: bán vé, vận tải hàng hóa, thu gom, chuyển tải, kho hàng và cứu hộ vận tải đường bộ
53	Thủ tục thông báo thay xe khai thác trên tuyến
54	Thủ tục thông báo ngừng khai thác tuyến
55	Thủ tục thông báo giảm số chuyến xe chạy trên tuyến
56	Thủ tục đăng ký màu sơn đặc trưng xe buýt
57	Thủ tục ngừng khai thác tuyến xe buýt
58	Thủ tục đăng ký biểu trưng (logo) xe taxi
VII	LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
59	Thủ tục nghiệm thu, cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo
60	Thủ tục nghiệm thu, cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật cùng cơ sở cải tạo
61	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo còn hiệu lực bị mất
62	Thủ tục kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ
VIII	LĨNH VỰC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	LUẬT NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG
63	Thủ tục cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng
64	Thủ tục đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng
B	ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
I	LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
65	Thủ tục cấp phép hoạt động vận tải thủy qua biên giới Việt Nam-Campuchia
66	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch
67	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch bị mất, bị hỏng
II	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
68	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
69	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (khai thác trước ngày 01/01/2005)
70	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (đóng mới trong nước sau ngày 01/01/2005)
71	Thủ tục đăng ký lại phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
72	Thủ tục đăng ký lại phương tiện do thay đổi tính năng kỹ thuật
73	Thủ tục đăng ký lại phương tiện do thay đổi tên
74	Thủ tục đăng ký lại phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
75	Thủ tục đăng ký lại phương tiện chuyển quyền sở hữu, thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
76	Thủ tục đăng ký lại phương tiện do chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác
77	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất, hỏng
78	Thủ tục xóa đăng ký phương tiện
III	LĨNH VỰC THI, CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
79	Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải
80	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải
IV	LĨNH VỰC THI, CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
81	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải
82	Cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Cơ sở dạy nghề
83	Dự kiểm tra lấy chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản

XV. SỞ TÀI CHÍNH

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo
1	Thủ tục chuyển đơn khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân không thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính
2	Thủ tục giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân thuộc thẩm quyền Sở Tài chính

XVI. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC KIỂM LÂM
1.	Thủ tục đóng dấu búa Kiểm lâm
II	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y
2.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh
3.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh
4.	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm
5.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

XVIII. SỞ TƯ PHÁP

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
1.	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh
2.	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh
II	LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
3.	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư
4.	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý
5.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý